

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v tranh chấp về ly hôn giữa

chị H và anh V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương.

Ông Ngô Tấn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23, 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp H, xã An P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Minh V, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp H, xã An P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Phạm Minh V, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc H và anh Phạm Minh V quen biết năm 2003, qua thời gian tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân và được hai bên gia

đình tổ chức lễ cưới. Ngày 14/7/2004, chị H và anh V được Ủy ban nhân dân xã An P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi chung sống, đến tháng 02/2020 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H nhận thấy tính tình chị H và anh V không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V không có lòng tin với chị H, thường xuyên ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm danh dự, nhân phẩm và đánh đập chị H làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Do mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt không thể nào hàn gắn được và chị H không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014, hiện 02 con đang sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng là căn nhà cấp 4 trên phần đất diện tích 125,4m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 08 tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Chị H đồng ý giao căn nhà cho anh V quản lý, sử dụng, yêu cầu được nhận ½ giá trị căn nhà theo giá của Hội đồng định giá đã định theo biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2020. Ngoài ra chị H không còn yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Minh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất theo lời trình bày của chị H. Thời gian đầu vợ chồng anh V chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020 thì vợ chồng ly thân, anh V không biết lý do vì sao chị H dẫn 02 con bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Sau đó chị H nghe lời của người ngoài và gia đình nhà vợ nên đã nộp đơn khởi kiện ly hôn và chia tài sản với anh V. Trong việc này chị H là người có lỗi, phải nhận lỗi với anh V, anh V không gây ra lỗi lầm gì nhưng không biết lý do gì chị H nghe lời xúi giục của người khác ly hôn với anh. Nay chị Huỳnh Thị Ngọc H cương quyết ly hôn thì anh V đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014, hiện các con đang sống cùng với chị H. Anh V đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con, nhưng sẽ lo cho 02 con theo khả năng thu nhập của bản thân cho đến khi 02 con trưởng thành.

Về tài sản chung: Căn nhà là do vợ chồng anh V và chị H dành dụm xây dựng năm 2013. Anh V không đồng ý chia đôi giá trị căn nhà cho chị H vì nguồn thu nhập chính trong gia đình là do anh V đi làm tạo ra nên nguồn tiền cất nhà chủ yếu do anh V đi làm dành dụm có được, chị H không đi làm, không tạo ra được thu nhập, chỉ ở nhà nội trợ và lo cho con cái. Vì vậy chị H không có

đóng góp vào tài sản chung mà do anh V là chủ yếu nên anh V không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị H.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 27/01/2021, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Minh V.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Huỳnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng (chị H đang nuôi con).

Buộc anh Phạm Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Phạm Chí T và Phạm Thanh H1 mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do nhà nước quy định. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu T và cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Minh V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H.

Anh Phạm Minh V được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 và công trình phụ (mái che, hàng rào) xây dựng trên phần đất diện tích 125,4m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 08 tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh Phạm Minh V có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền là 66.878.407 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

Chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 3.343.900 đồng án phí về chia tài sản. Số tiền ứng án phí chị H đã nộp ngày 14/5/2020 theo biên lai số 0007580 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là 3.300.000 đồng được trừ vào án phí chị H phải nộp. Chị H còn phải nộp tiếp 343.900 đồng.

Anh Phạm Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.343.900 đồng án phí về chia tài sản.

Chi phí định giá tài sản: Tổng cộng 600.000 đồng, bị đơn phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp 600.000 đồng, do đó buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 600.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2021, anh Phạm Minh V kháng cáo với nội dung:

Về hôn nhân: Anh V không đồng ý ly hôn theo nhận định của Tòa án nhân dân huyện C.

Về tài sản chung: Anh V đồng ý căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2013 là tài sản chung của vợ chồng. Hiện nay anh V làm công nhật hằng ngày, không có tiền dành dụm nên không có khả năng trả cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền là 66.878.000 đồng.

Về cấp dưỡng: Tại Tòa án cấp sơ thẩm anh V trình bày trường hợp vợ chồng chia tay thì anh V sẽ lo cho 02 con chung theo thu nhập của bản thân đến khi con chung trưởng thành (có vợ, có chồng), chứ cấp dưỡng hàng tháng thì anh V không có khả năng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Huỳnh Thị Ngọc H không rút đơn khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh V.

Anh Phạm Minh V rút yêu cầu kháng cáo về hôn nhân, đồng ý với bản án sơ thẩm; về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung thì anh V không rút kháng cáo; con chung sống với chị H thì anh V lo cho con theo khả năng chứ không đồng ý cấp dưỡng hàng tháng; nhà ở đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng, nhưng anh V không xua đuổi chị H mà do chị H tự bỏ nhà đi nên anh V không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cho chị H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của anh Phạm Minh V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V rút kháng cáo về hôn nhân, đồng ý với bản án sơ thẩm nên đình chỉ xét xử phần kháng cáo mà anh V đã rút.

Xét kháng cáo của anh V:

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn, 02 con chung Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014 do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H có yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở là có căn cứ.

Về chia tài sản chung: Xét thấy căn nhà cấp 4 và công trình phụ (mái che, hàng rào) xây dựng trên phần đất diện tích 125,4m², thuộc thửa số 36, tờ bản đồ 08 tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của anh V và chị H. Theo quy định của pháp luật, tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, nên Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi tài sản, anh V được quyền sở hữu nhà ở cùng công trình phụ và trả ½ giá trị tài sản cho chị H là có căn cứ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo của anh Phạm Minh V về hôn nhân, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Minh V về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Phạm Minh V nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, đầy đủ thành phần những người tham gia tố tụng, thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Minh V rút kháng cáo về hôn nhân, đồng ý với bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phần kháng cáo mà anh V đã rút.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Minh V, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về nuôi con chung: Anh V và chị H thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014 hiện chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, anh V đồng ý và cháu T mong muốn được sống chung với chị H nên Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con thì chị H yêu cầu anh V cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật đến khi hai con chung đủ 18 tuổi. Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung Phạm Chí T và Phạm Thanh H1 hàng tháng mỗi cháu bằng ½ tháng lương cơ sở do nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng cho con từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các cháu T và H2 thành niên (đủ 18 tuổi) là có căn cứ, phù hợp khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy việc anh V kháng cáo không đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là không phù hợp, không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.2] Về chia tài sản:

Chị H và anh V đều thống nhất căn nhà cấp 4 và công trình phụ (mái che, hàng rào) xây dựng trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 08, diện tích được cấp 125,4m² tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của anh V và chị H. Các đương sự thống nhất giá trị tài sản tranh chấp là 133.756.000 đồng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu chia đôi tài sản, đồng ý anh V được quyền sở hữu tài sản và thanh toán cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Pháp luật Hôn nhân và gia đình quy định tài sản chung của vợ chồng được chia đôi và hiện anh V đang quản lý tài sản, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia đôi tài sản, anh V được quyền sở hữu tài sản và có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị H số tiền là 66.878.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh V xác định nhà ở và công trình phụ đang tranh chấp trên là tài sản chung của vợ chồng anh V và chị H, nhưng do anh V không xua đuổi chị H mà chị H tự bỏ nhà đi nên anh V không đồng ý chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và công trình phụ cho chị H. Chị H không đồng ý với nội dung kháng cáo và căn cứ kháng cáo của anh V. Xét kháng cáo của anh V không phù hợp với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn mà pháp luật Hôn nhân và gia đình quy định nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị đình chỉ xét xử phần kháng cáo của anh Phạm Minh V về hôn nhân do anh V rút kháng cáo, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Minh V về cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, giữ nguyên bản án sơ thẩm do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh Phạm Minh V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm số tiền 2.638.000 đồng, chị H và anh V mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử yêu cầu kháng cáo về hôn nhân do anh Phạm Minh V đã rút kháng cáo.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Minh V.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020, được sửa chữa, bổ sung ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Minh V.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Chí T, sinh ngày 13/9/2004 và Phạm Thanh H1, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Huỳnh Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng (chị H đang nuôi con).

Buộc anh Phạm Minh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung Phạm Chí T và Phạm Thanh H1 mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở do nhà nước quy định. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi cháu T và cháu H1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Minh V được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H.

Anh Phạm Minh V được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 và công trình phụ (mái che, hàng rào) được xây dựng trên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 08, diện tích được cấp 125,4m² tại xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc anh Phạm Minh V có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Ngọc H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản với số tiền là 66.878.407 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng nhà ở của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 3.343.900 đồng án phí về chia tài sản. Số tiền ứng án phí chị H đã nộp ngày 14/5/2020 theo biên lai số 0007580 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C là 3.300.000 đồng được trừ vào án phí chị H phải chịu. Chị H còn phải nộp tiếp 343.900 đồng.

Anh Phạm Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 3.343.900 đồng án phí về chia tài sản.

6. Về chi phí định giá tài sản: Tổng cộng 600.000 đồng, bị đơn phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp 600.000 đồng, do đó buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn 600.000 đồng.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm số tiền 2.638.000 đồng, chị H và anh V mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nhưng do chị H đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên anh V phải hoàn trả lại chị H số tiền 1.319.000 đồng.

8. Về án phí phúc thẩm: Anh Phạm Minh V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011852 ngày 19/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã A;
- Phòng GDKTNV-THA TAT;
- Lưu: VT, HS (N)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng